

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1532/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 12 năm 2022
V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ma Văn Nhất.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Bà Nguyễn Thị Thuần –Giáo viên nghỉ hưu
2/ Ông Nguyễn Văn Tiên – Cán bộ nghỉ hưu
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đỗ Ngọc Thành Nguyên - Cán bộ Tòa án.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 12 đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 965/2022/TLST-HN, Ngày 03/10/2022 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 1039/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 1088/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Trần Kiều A**, sinh năm 1980
Địa chỉ: 51/4, ấp Tân T, xã Xuân Thới Đ, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh - (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Phi A**, sinh năm 1980
Địa chỉ: B, tổ 66, khu phố 6, phường Tân Thới N, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh - (vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Trần Kiều A trình bày:

Tôi và ông Nguyễn Phi A tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2004 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 121 do Ủy ban nhân dân phường 7, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/8/2004. Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc,

về sau vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn ngày càng tăng và không thể hàn gắn, tôi cảm thấy hai vợ chồng không thể nào hòa hợp chung sống với nhau được nữa. Nay, tôi yêu cầu Tòa án cho tôi được ly hôn với ông Nguyễn Phi A

Về con chung: có 03 con chung; Nguyễn Anh D , sinh ngày 05/8/2005; Nguyễn Thiên Ân , sinh ngày 19/10/2008 và Nguyễn Thiên Đ , sinh ngày 13/10/2013. Bà Phạm Trần Kiều A yêu cầu được nuôi 3 con Nguyễn Anh D , Nguyễn Thiên Ân , Nguyễn Thiên Đ . Không yêu cầu ông Nguyễn Phi A cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn nhưng ông Nguyễn Phi A vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản đến Tòa án để thể hiện ý kiến của mình về yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Trần Kiều A .

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn không có mặt theo triệu tập của Tòa án. Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Đây là vụ kiện ly hôn, ông Nguyễn Phi A là bị đơn và đang cư ngụ tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự theo quy định tại Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về yêu cầu của các đương sự:*

Căn cứ vào các lời khai của đương sự; căn cứ vào các giấy tờ, tài liệu của đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được có đủ cơ sở xác định:

Bà Phạm Trần Kiều A và ông Nguyễn Phi A đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 121 do Ủy ban nhân dân phường 7, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/8/2004. Có cơ sở kết luận quan hệ hôn nhân bà Phạm Trần Kiều A và ông Nguyễn Phi A là hôn nhân hợp pháp.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Trần Kiều A và ông Nguyễn Phi A tự nguyện kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng luôn bất đồng quan điểm.

Tại xác nhận cư trú của Công an phường Tân Thới Nhất có ghi nhận “Đương sự: Nguyễn Phi A, sinh năm: 1980, cư ngụ tại: B, tổ 66, khu phố 6, phường Tân Thới N, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh”. Tòa án đã triệu tập ông Phi A nhiều lần, ông Phi A đã được nhận trực tiếp nhưng ông Phi A vẫn không đến Tòa án để trình bày ý kiến. Ông Phi A đã từ bỏ việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Theo quy định tại Điều 91; Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì những lời khai của bà Kiều A là chứng cứ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 12 tiến hành xác minh. Tại kết quả xác minh của UBND phường Tân Thới Nhất xác định mâu thuẫn bà Kiều A và ông Phi A “không nắm rõ vấn đề mâu thuẫn của ông bà, do bà Kiều Anh không còn sinh sống tại địa phương”.

Tòa án đã tạo điều kiện cho hai bên trong nhiều tháng để hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả, ông Phi A không đề ra kế hoạch có tính khả thi để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy những chứng cứ trên thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Kiều A và ông Phi A là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó xét thấy yêu cầu của bà Kiều A là có cơ sở, nên chấp nhận.

Về con chung: có 03 con chung; Nguyễn Anh D, sinh ngày 05/8/2005; Nguyễn Thiên Ân, sinh ngày 19/10/2008 và Nguyễn Thiên Đ, sinh ngày 13/10/2013. Hiện nay cả 3 con đang ở với bà Phạm Trần Kiều A và bà Kiều Anh có yêu cầu được nuôi 3 con chung, không yêu cầu ông Nguyễn Phi A cấp dưỡng nuôi con. Tại các bản tự khai của 3 trẻ đều có yêu cầu xin ở với mẹ, xét thấy yêu cầu trên là chính đáng và phù hợp. Hội đồng xét xử quyết định giao 3 trẻ Nguyễn Anh D, Nguyễn Thiên Ân và Nguyễn Thiên Đ cho bà Phạm Trần Kiều A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn Phi A theo yêu cầu của bà Phạm Trần Kiều A.

Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, bà Phạm Trần Kiều A phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147, Điều 179; Điều 199; Điều 200; Điều 208; Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Trần Kiều A được ly hôn đối với ông Nguyễn Phi A

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng kết hôn số 121 do Ủy ban nhân dân phường 7, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/8/2004 cấp cho bà Phạm Trần Kiều A và ông Nguyễn Phi A không còn giá trị.

2/ Về con chung: có 03 con chung; Nguyễn Anh D , sinh ngày 05/8/2005; Nguyễn Thiên Ân , sinh ngày 19/10/2008 và Nguyễn Thiên Đ , sinh ngày 13/10/2013. Giao 3 trẻ Nguyễn Anh D , Nguyễn Thiên Ân và Nguyễn Thiên Đ cho bà Phạm Trần Kiều A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn Phi A theo yêu cầu của bà Phạm Trần Kiều A

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức đóng góp cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, bà Phạm Trần Kiều A phải chịu. Được miễn trừ vào số tiền 300.000 đồng bà Phạm Trần Kiều A đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2021/0023899 ngày 03/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phạm Trần Kiều A đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo

qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5/ Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 1 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM
- VKSND Quận 12;
- UBND phường 7, Quận 8;
- Chi cục THA Dân sự Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ma Văn Nhất